

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BẮC MÊ  
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2020/HS-ST  
Ngày 01-9-2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC MÊ, TỈNH HÀ GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Dương Văn Công.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phan Thanh Hà.

Ông Nguyễn Minh Thư.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Thiều Thị Minh Huyền - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hà Giang:** Ông Ngô Quang Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 18/2020/TLST-HS ngày 11/8/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2020/QĐXXST-HS ngày 17/8/2020 đối với:

**- Bị cáo:** Nông Văn H; Sinh năm 1993; Nơi sinh: huyện B, tỉnh Hà Giang; Nơi cư trú: Thôn N I, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nông Văn P, sinh năm 1964 và con bà: Sầm Thị Đ, sinh năm 1965; Có 02 chị, em ruột, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Có vợ: Hoàng Thị C, sinh năm 1992 và có 01 con sinh năm 2011; Tiền sự: Không; Tiền án: Không.

Nhân thân: Ngày 16/6/2013 bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 15 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích và Chông người thi hành công vụ.

Tạm giữ: ngày 16/6/2020; Tạm giam: ngày 25/6/2020 hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện B, tỉnh Hà Giang (Có mặt).

**- Bị hại:** Anh Mã Văn T; Sinh năm 1969.

Nơi cư trú: Thôn N II, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang (Có mặt).

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.**

+ Anh: Hoàng Văn K; Sinh năm 1987.

Nơi cư trú: Thôn N II, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang (Có mặt).

+ Anh: Hoàng Văn Đ; Sinh năm 1972.

Nơi cư trú: Thôn N I, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang (Vắng mặt không có lý do).

**- Người làm chứng:**

+ Anh: Trần Quốc V; Sinh năm 1978 (Vắng mặt không có lý do).

+ Anh: Hoàng Văn V; Sinh năm 1988 (Vắng mặt không có lý do).  
Đều cư trú tại: Thôn N II, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 25/5/2020 Nông Văn H đi chơi trên đường về nhà, đi qua khu vực nhà Mã Văn T, ở thôn N II, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang. H nhìn vào nhà anh T thấy có 01 chiếc máy cưa màu cam - đen để ở hiên sau nhà, lúc này H nảy sinh ý định trộm cắp chiếc máy cưa nhưng do ban ngày có người qua lại không dám thực hiện hành vi trộm cắp tài sản mà đi bộ về nhà ý định tối sẽ thực hiện hành vi trộm cắp. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, H đi bộ một mình đến nhà Mã Văn T mục đích kiểm tra xem chiếc máy cưa có còn ở vị trí cũ hay không, khi đến nhà anh T, H nhìn thấy cả gia đình nhà anh T đang ăn cơm, bóng điện chiếu ra hiên nhà nên H nhìn rõ chiếc máy cưa vẫn còn ở vị trí cũ. H đi bộ vòng ra phía sau bếp của gia đình anh T và lấy trộm chiếc máy cưa. Sau khi lấy trộm được H mang máy cưa đi bộ đến nhà Hoàng Văn Đ (Bố Đông) thôn N I, xã Đ, huyện B. Đến nơi H nói đây là máy cưa của gia đình muốn cầm cố 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) anh Đին tin tưởng và cầm cố cho H 500.000đ và không tính lãi suất. Sau khi lấy được tiền H đến nhà Nông Văn Q người thôn N I, xã Đ mượn xe máy và một mình đi sang huyện B, tỉnh Cao Bằng mua ma túy của một người không biết tên với giá 400.000đ được 02 (hai) tép ma túy, số tiền 100.000đ còn lại H dùng mua xăng và mua thuốc lá hút hết. Sau khi mua được ma túy H lấy ra sử dụng ở ven đường thuộc địa phận thị trấn P, huyện B, tỉnh Cao Bằng, còn 01 tép ma túy mang về nhà, đến sáng ngày 26/5/2020 H ở nhà một mình và lấy số ma túy còn lại sử dụng hết.

Đến ngày 27/5/2020 H đi bộ lên nhà Trần Quốc V chơi nhưng không gặp anh Việt mà gặp Hoàng Văn V người thôn N II, xã Đ đang lắp cửa cho nhà anh Việt, thấy vậy H nói chuyện với anh Viên về việc muốn bán một chiếc máy cưa, nhờ anh Viên tìm người mua giúp, anh Viên đồng ý và H đi về lấy máy cưa ở nhà Hoàng Văn Đ còn anh Viên gọi điện thoại cho Hoàng Văn K người thôn N II, xã Đ đến kiểm tra mua máy cưa. Khi H mang máy cưa đến thì thấy anh K ở đó, sau khi kiểm tra máy cưa xong anh K đồng ý mua và trả cho H số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng). H cầm số tiền về trả cho Hoàng Văn Đ 500.000đ trước đó H đã vay sau đó mượn xe máy Nông Văn Q một mình sang huyện B, tỉnh Cao Bằng mua ma túy hết 500.000đ được 03 (ba) tép và sử dụng hết.

Tại cơ quan điều tra Nông Văn H khai nhận ngoài ra vào ngày 14/6/2020 H đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản (xe máy) của Hoàng Văn H ở thôn N I, xã Đ, huyện B để dưới gầm sàn rồi đem đi cầm cố cho Hoàng Văn K ở thôn T, xã Đ số tiền 700.000đ (bảy trăm nghìn đồng) để lấy tiền tiêu sài cá nhân và trả nợ hết.

Ngày 17/6/2020 Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã có yêu cầu định giá tài đối với chiếc máy cưa xăng và chiếc xe máy do Nông Văn H trộm cắp.

Tại bản kết luận số 14 ngày 18/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B kết luận 01 chiếc máy cưa xăng, kèm lam xích nhãn hiệu

KANTA Gasolinechainsaw 066 màu cam-đen, đã qua sử dụng trị giá 3.000.000đ (ba triệu đồng); 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu DAME, loại xe nữ, BKS 22B4-6460, số máy 50FMG-301014964, Số khung XPCC0021UO149649 xe đã qua sử dụng không có chìa khóa giá trị là 1.150.000đ (một triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

Tại biên bản xác định hiện trường lập ngày 16/7/2020 Nông Văn H đã chỉ dẫn đều phù hợp với lời khai của bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; Người làm chứng.

**- Vật chứng vụ án:** Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra Công an huyện B, tỉnh Hà Giang thu giữ gồm: 01 chiếc máy cưa xăng, kèm lam xích nhãn hiệu KANTA Gasolinechainsaw 066 màu cam-đen, đã qua sử dụng; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu DAME, loại xe nữ, BKS 22B4-6460, số máy: 50FMG-301014964. Số khung: XPCC0021UO149649 xe đã qua sử dụng không có chìa khóa; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe moto số 0011483 mang tên Phạm Hồng H.

Quá trình điều tra xét thấy vật chứng của vụ án đã được chứng minh, làm rõ chủ sở hữu hợp pháp không cần tiếp tục tạm giữ Cơ quan CSĐT Công an huyện B ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu là Mã Văn T: 01 chiếc máy cưa xăng, kèm lam xích nhãn hiệu KANTA Gasolinechainsaw 066 màu cam-đen, đã qua sử dụng.

Trả cho Hoàng Văn H 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu DAME, loại xe nữ, BKS 22B4-6460, số máy: 50FMG-301014964. Số khung: XPCC0021UO149649 xe đã qua sử dụng không có chìa khóa; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe moto số 0011483 mang tên Phạm Hồng H.

#### **Về trách nhiệm dân sự tại phiên tòa:**

Bị hại Mã Văn T xác nhận lời khai của bị cáo khai trộm cắp tài sản máy cưa nhà anh là đúng, sau khi bị mất máy cưa được Cơ quan cảnh sát điều tra trả lại máy cưa còn nguyên vẹn hoạt động bình thường, nay anh T yêu cầu bị cáo trả tiền công đi tìm máy cưa 1.000.000đ (một triệu đồng).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Hoàng Văn K mua máy cưa ngay tình không biết bị cáo trộm cắp mà có, nay yêu cầu bị cáo trả lại tiền 1.000.000đ (một triệu đồng).

Tại bản cáo trạng số 21/CT-VKSBM ngày 10/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hà Giang, truy tố bị cáo Nông Văn H về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện B thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm đã truy tố bị cáo, Đề nghị Hội đồng xét xử.

Tuyên bố bị cáo: Nông Văn H phạm tội Trộm cắp tài sản.

Hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt Nông Văn H từ 14 đến 17 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ ngày 16/6/2020.

Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 46, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 357, Điều 468, Điều 579, 580, 584, 585, 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự; Buộc

bị cáo Nông Văn H có trách nhiệm trả số tiền cho bị hại Mã Văn T tiền công đi tìm máy cưa 1.000.000đ và trả cho Hoàng Văn K tiền mua máy cưa của bị cáo 1.000.000đ (một triệu đồng).

Về vật chứng: Tại cơ quan điều tra đã xử lý nên không đề cập đến.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Khoản 1, khoản 3 Điều 21, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nông Văn H chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ và tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 300.000đ, tổng cộng 500.000đ (năm trăm nghìn đồng).

Tại phần tranh luận: Bị cáo; Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đồng ý với quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị, nên không có tranh luận đối đáp với Kiểm sát viên.

Bị cáo thực hiện quyền nói lời sau đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Hoàng Văn Đ; Người làm chứng Trần Quốc V, Hoàng Văn V nhưng đã có lời khai tại cơ quan điều tra không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, căn cứ vào khoản 1 Điều 292, khoản 1 Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử theo thủ tục chung.

[3] Về tội danh: Tại phiên tòa bị cáo Nông Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của mình đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; Người làm chứng, phù hợp với biên bản xác định hiện trường và vật chứng thu giữ được, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ căn cứ kết luận: Khoảng 21 giờ ngày 25/5/2020, Nông Văn H đã có hành vi lấy trộm 01 chiếc máy cưa của gia đình nhà anh Mã Văn T. Sau khi lấy trộm được H mang máy cưa đến nhà Hoàng Văn Đ cầm cố lấy 500.000đ. Sau khi cầm cố lấy được tiền H đến nhà Nông Văn Q mượn xe máy và đi sang huyện B, tỉnh Cao Bằng mua ma túy về sử dụng. Sau khi chi tiêu hết số tiền 500.000đ, H đem chiếc máy cưa bán cho Hoàng Văn K được 1.000.000đ, sau đó H trả cho ông

Đ 500.000đ còn lại 500.000đ H tiếp tục đi mua ma túy và sử dụng hết. Kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B kết luận: 01 chiếc máy cưa xăng, kèm lam xích nhãn hiệu KANTA Gasolinechainsaw 066 màu cam-đen, đã qua sử dụng trị giá còn lại là 3.000.000đ. Hành vi của bị cáo Nông Văn H đã thỏa mãn cấu thành tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Như vậy, bản cáo trạng truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo: Xét hành vi phạm tội của bị cáo là vi phạm pháp luật, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, được pháp luật bảo vệ. Bị cáo lợi dụng sơ hở, không cảnh giác của bị hại đã lén lút thực hiện hành vi Trộm cắp tài sản 01 máy chiếc máy cưa nhà Mã Văn T. đem đi cầm cố và bán lấy tiền mua ma túy sử dụng và tiêu sài cá nhân hết. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, dân sự và nhận thức được việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì mục đích cá nhân, để có tiền mua ma túy sử dụng nên bị cáo đã thực hiện tội phạm. Bị cáo có nhân thân xấu năm 2013 Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 15 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích và Chống người thi hành công vụ. Bị cáo không lấy đó làm bài học để sửa bản thân mà vẫn tiếp tục dần thân vào con đường phạm tội. Xét thấy chứng tỏ bị cáo là người rất coi thường pháp luật khó cải tạo. Do vậy, cần có mức án nghiêm khắc cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo và cũng để có thời gian cải tạo bị cáo thành người tốt cho xã hội.

[5] Bị cáo Nông Văn H đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện B, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục quyết định tạm giam bị cáo để đảm bảo cho việc thi hành án theo quy định tại Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[6] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc, xem xét và áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự bị cáo không có; Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải khi nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật bị cáo đã đến cơ quan điều tra công an huyện B đầu thú, sống ở vùng kinh tế khó khăn. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, khi quyết định hình phạt cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[7] Từ những căn cứ trên, xét thấy, mức án mà đại diện Viện Kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo về hình phạt, mức bồi thường dân sự là có căn cứ chấp nhận.

[8] Về hình phạt bổ sung: Quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự thì “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đ đến 50.000.000đ. Tuy nhiên, các tài liệu chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa, thì bị cáo là người dân tộc thiểu số, lao động tự do, thu nhập không ổn định, sống ở vùng

điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, không có khả năng thi hành. Vì vậy, không áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Trách nhiệm dân sự: Anh Mã Văn T đã nhận đủ tài sản 01 chiếc máy cưa không yêu cầu bồi thường. Tuy nhiên, anh T yêu cầu bị cáo H bồi thường tiền công đi tìm máy cưa 1.000.000đ; Anh Hoàng Văn K mua máy cưa của bị cáo Nông Văn H là ngay tình, không biết máy cưa do trộm cắp mà có, xét anh K yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 1.000.000đ là phù hợp, nên được chấp nhận. Bị cáo Nông Văn H chấp nhận yêu cầu bồi thường của anh T và anh K, xét thấy là phù hợp về quyền tự định đoạt của đương sự là tự nguyện được chấp nhận.

[10] Về xử lý vật chứng: Tại cơ quan điều tra đã xử lý trả lại cho bị hại và những người liên quan đúng theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[11] Đối với bị cáo Nông Văn H ngoài hành vi trộm cắp tài sản chiếc máy cưa đã bị truy tố ra còn thực hiện hành vi trộm cắp chiếc xe máy của Hoàng Văn H kết luận về việc định giá tài sản 1.150.000đ chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự. Do đó Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính là phù hợp, đúng quy định của pháp luật. Nên không xem xét.

[12] Đối với hành vi Nông Văn H hai lần sang huyện B, tỉnh Cao Bằng trực tiếp mua ma túy hai lần của người đàn ông không rõ tên tuổi, địa chỉ Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã tiến hành kiểm tra, xác minh nhưng không có đủ cơ sở, để giải quyết đối với người đàn ông trên. Nên HĐXX không xem xét.

[13] Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Nông Văn H xét thấy không đủ căn cứ xử lý hình sự, Cơ quan CSĐT đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đúng quy định của pháp luật. Nên không xem xét.

[14] Đối với Hoàng Văn Đ đã nhận cầm cố chiếc máy cưa do Nông Văn H trộm cắp được, tuy nhiên do anh Đ không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có nên không có căn cứ xử lý đối với hành vi của anh Đ đúng quy định của pháp luật. Nên không xem xét.

[15] Đối với Hoàng Văn K đã mua lại chiếc máy cưa do Nông Văn H trộm cắp mà có với giá 1.000.000đ tuy nhiên trong quá trình mua bán ngay thẳng anh K không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có nên không có căn cứ xử lý đối với hành vi của anh K đúng quy định của pháp luật. Nên không xem xét.

[16] Quyền kháng cáo: Bị cáo; Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[17] Về án phí: Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nông Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nông Văn H 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ ngày 16/6/2020, tiếp tục tạm giam bị cáo Nông Văn H để đảm bảo thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 46, Điều 48 Bộ luật hình sự và Điều 579, 580, 585, 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự.

- Buộc bị cáo Nông Văn H bồi thường cho anh Mã Văn T; Nơi cư trú: Thôn N II xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang tiền công đi tìm máy cưa là 1.000.000đ (Một triệu đồng).

- Buộc bị cáo Nông Văn H trả lại cho anh Hoàng Văn K; Nơi cư trú: Thôn N II, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang tiền mua máy cưa 1.000.000đ (Một triệu đồng).

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu số tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.*

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật hình sự; Khoản 1, khoản 3 Điều 21, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nông Văn H chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ và tiền án phí dân sự có giá ngạch 300.000đ, tổng cộng 500.000đ (năm trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, Bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện + tỉnh Hà Giang;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện B;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Phòng PV06 CA tỉnh Hà Giang;
- Cơ quan THAHS CA huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Bị cáo; Bị hại;
- Người có QLVNQLQ đến vụ án;
- UBND xã Đ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**  
**(Đã ký)**

**Dương Văn Công**